

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2024/DS-ST  
Ngày: 26 - 8 -2024  
“Tranh chấp về hợp đồng  
dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Nhựt Minh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Nguyễn Văn Thế.
- Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Lê PhU Quý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Duy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03/6/2024; 01/7/2024 và ngày 26/8/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-DS, ngày 13/5/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 30/2024/QĐST-DS ngày 03/6/2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 35/2024/QĐST-DS ngày 01/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119A/2024/QĐST-DS ngày 29/7/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1970; Địa chỉ: số B, ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

2. **Bị đơn:** Ông Bùi Tấn H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số B, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo khởi kiện ngày 20/02/2024 (được bổ sung ngày 08/3/2024) và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị U trình bày: Vào năm 2023 bà U có cho ông H vay 03 lần với tổng số tiền 100.000.000 đồng đến nay không trả cụ thể các lần vay như sau:

Ngày 08/7/2023, ông H vay của bà U số tiền 30.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 3%/tháng,. Thời hạn vay, khi nào cần bà U lấy lại và báo trước cho ông

H hay trước một tháng, lUc vay ông H có làm hợp đồng vay với bà U và ông H có giao cho bà U giữ một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BH 071800, số vào sổ cấp GCN: CH02800 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông Bùi Tấn H ngày 16/11/2011.

Ngày 08/8/2023, ông H vay tiếp của bà U số tiền 30.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 3%/tháng. Thời hạn vay cũng như lần trước là khi nào cần báo với ông H lấy lại. Khi vay ông H có làm biên nhận cho bà U.

Ngày 08/10/2023, ông H vay tiếp của bà U số tiền 40.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 3%/tháng. Thời hạn vay cũng như lần trước là khi nào cần báo với ông H lấy lại. Khi vay ông H có làm biên nhận cho bà U.

Sau khi vay ông H có đóng lãi cho bà U, nhưng không đóng đầy đủ và đóng bao nhiêu bà U không nhớ. Do ông H đã vi phạm nghĩa vụ vay nên bà U đã nhiều lần yêu cầu ông H trả lại vốn và lãi tiền vay, nhưng ông H cố tình không trả.

Nay bà Nguyễn Thị U yêu cầu ông Bùi Tấn H trả số tiền vốn gốc là 100.000.000 đồng, không yêu cầu lãi, bà U tự nguyện trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng nêu trên cho ông Bùi Tấn H.

- Tại phiên tòa ngày 03/6/2024 và 01/7/2024 ông H thừa nhận 02 biên nhận vào ngày 08/7/2023 và ngày 08/8/2023 là do ông H ký cho bà U. Tuy nhiên ông H chỉ nhận của bà U số tiền là 40.000.000 đồng, sau khi vay ông H có đóng lãi cho bà U, nhưng đóng không đầy đủ và không nhớ đã đóng lãi được số tiền bao nhiêu. Nay ông H đồng ý trả cho bà U vốn vay là 40.000.000 đồng.

Đối với biên nhận nợ ngày 08/10/2023 số tiền 40.000.000 đồng không phải do ông H ký và viết và ông H không có vay số tiền này, nên ông H không đồng ý trả số tiền này cho bà U.

- Tại phiên tòa sơ thẩm Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đƯng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đƯng quy định của pháp luật. Riêng ông H vắng mặt xét xử là chưa tuân thủ đƯng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông **Bùi Tấn H** là bị đơn đang sinh sống tại **huyện L** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông **Bùi Tấn H** được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông **Bùi Tấn H** theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà **Nguyễn Thị U** yêu cầu ông **Bùi Tấn H** trả số nợ vay là 100.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà **U** có cung cấp cho Tòa án 03 biên nhận nợ có chữ ký tên của ông **Bùi Tấn H** và tự nguyện trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BH 071800, sổ vào sổ cấp GCN: CH02800 do **Ủy ban nhân dân huyện L**, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông **Bùi Tấn H** ngày 16/11/2011, thuộc thửa 120, tờ bản đồ số 61, diện tích 1032,9m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại **xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp** đã thế chấp vay.

[2.1] Đối với khoản vay theo biên nhận nợ 30.000.000 đồng ngày 08/7/2023 và Biên nhận nợ 30.000.000 đồng ngày 08/8/2023.

Tại phiên tòa ông **H** thừa nhận ngày 08/7/2023 và ngày 08/8/2023 là do ông **H** ký cho bà **U**, nhưng ông **H** chỉ thừa nhận vay của bà **U** 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, 02 biên nhận nợ nói trên đã thể hiện số tiền ông **H** vay của bà **U** là 60.000.000 đồng, nhưng ông **H** cho rằng ông **H** chỉ vay của bà **U** 40.000.000 đồng mà không chứng minh được lý do vì sao ông **H** vay 40.000.000 đồng mà làm biên nhận là 60.000.000 đồng. Do đó, lời trình bày trên của ông **H** là không có căn cứ, không được chấp nhận, mà xác định ông **H** có vay của bà **U** số tiền 60.000.000 đồng theo 02 biên nhận nợ nói trên.

[2.2] Đối với biên nhận nợ 40.000.000 đồng ngày 08/10/2023:

Tại phiên tòa bà **Nguyễn Thị U** xác định ông **Bùi Tấn H** có vay của bà **U** số tiền 40.000.000 đồng khi vay ông **H** có làm biên nhận vay ngày 08/10/2023, bà **U** đã cung cấp biên nhận trên cho Tòa án và xác định biên nhận trên là do ông **H** ký tên và ghi họ tên.

Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông **H** cho rằng không có nợ khoản vay trên của bà **U** và xác định ông **H** không có ký vào Biên nhận (ngày 08/10/2023) phía dưới tờ giấy tập học sinh do bà **U** xuất trình. Do ông **H** không thừa nhận có thiếu nợ khoản này của bà **U** và cũng không có ký và viết tên vào biên nhận nợ ngày 08/10/2023. Tòa án đã có Thông báo cho ông **H** cung cấp chứng cứ và có yêu cầu Tòa án giám định chữ ký của ông **H** trong tờ biên nhận nợ ngày 08/10/2023 hay không, nhưng ông **H** không có yêu cầu giám định và cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh là ông **H** không có nợ bà **U**, cũng như chứng minh chữ ký và chữ viết họ tên trong biên nhận nợ ngày 08/10/2023 do bà **U** xuất trình là không phải chữ ký và chữ viết của ông **H**. Hội đồng xét xử chấp nhận biên nhận ngày 08/10/2023 mà bà **U** cung cấp và xác định

ông **H** có vay của bà **U** số tiền 40.000.000 đồng và buộc ông **H** có nghĩa vụ trả cho bà **U** số tiền trên.

Từ đó cho thấy ông **H** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay cho bà **U** theo quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.”

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị U** đối với ông **Bùi Tấn H**.

[3] Xét quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông **Bùi Tấn H** là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, 470, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị U** đối với ông **Bùi Tấn H**.

Buộc ông **Bùi Tấn H** có nghĩa vụ trả cho bà **Nguyễn Thị U** tiền vốn vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là chấm dứt nợ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc bà **Nguyễn Thị U** trả lại cho ông **Bùi Tấn H** bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BH 071800, sổ vào sổ cấp GCN: CH02800 do **Ủy ban nhân dân huyện L**, tỉnh Đồng Tháp cấp cho ông **Bùi Tấn H** ngày 16/11/2011 thuộc thửa 120, tờ bản đồ số 61, diện tích 1032,9m<sup>2</sup>, đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh Trung, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp

2. Về án phí: Ông **Bùi Tấn H** được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà **Nguyễn Thị U** không phải chịu án phí hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị U** 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003673 ngày 08/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện L;
- CCTHADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**Huỳnh Văn Nhựt Minh**